



PHẦN 1 - PHƯƠNG TRÌNH BẬC NHẤT

Bài 1: Giải các phương trình sau:

1) $5x - 20 = 0$

2) $3x - 12 = 6$

3) $2x + 5 = 6x - 4$

4) $2(x + 5) - 3x = 5x - 7$

5) $3(2x - 5) = 13 - 5(x - 1)$

6) $2(x + 5) + 4(3 - x) = 0$

7) $3(x - 2) + 7(3 - 2x) = 21$

8) $9(x - 1) - 3(2x + 3) = 3(x - 2)$

9) $4x(2x + 3) + 3x(5 - 4x) = 0$

10) $3x(2x - 1) - 2x(3x + 5) = -13(x + 1)$

11) $(2x - 1)^2 - 4x(x - 3) = 4\left(2x + \frac{1}{4}\right)$

12) $(x + 2)^2 + x(5 - x) = 2(x - 1) + 5$

13) $\frac{x}{3} + 2x = 12$

14) $\frac{x - 2}{3} + \frac{2x + 1}{2} = 0$

15) $\frac{2x - 3}{5} = \frac{3x + 1}{3}$

16) $\frac{x - 3}{7} + \frac{x + 1}{2} - \frac{x}{4} = 0$

17) $3x - \frac{2x - 1}{5} = 3 + \frac{3 - x}{4}$

18) $\frac{3x + 2}{2} + \frac{5 - 2x}{3} = \frac{11}{12}$

19) $\frac{x - 2}{4} + \frac{x - 3}{8} = \frac{2x - 3}{6}$

20) $\frac{2x - 1}{5} - \frac{x - 1}{4} + \frac{x + 1}{10} = 1$

Bài 2: Giải các phương trình sau:

1) $\frac{x - 5}{15} + \frac{x - 5}{14} = \frac{x - 5}{13} + \frac{x - 5}{12}$

2) $\frac{x - 1}{99} + \frac{x - 1}{98} = \frac{x - 1}{97} + \frac{x - 1}{96}$

3) $\frac{x + 13}{27} + \frac{x + 12}{28} + \frac{x + 11}{29} = -3$

4) $\frac{x - 15}{85} + \frac{x - 20}{80} = \frac{x - 25}{75} + \frac{x - 30}{70}$

5) $\frac{x + 17}{13} + \frac{x + 16}{14} = \frac{x + 19}{11} + \frac{x + 18}{12}$

6) $\frac{x - 105}{5} + \frac{x - 103}{7} + \frac{x - 101}{9} + \frac{x - 99}{11} = 4$

PHẦN II - GIẢI BÀI TOÁN BẰNG CÁCH LẬP PHƯƠNG TRÌNH

DẠNG 1: TOÁN CHUYỂN ĐỘNG

Bài 1: Một ô tô đi từ Hà Giang về Hà Nội với vận tốc 60 km/h rồi từ Hà Nội về Hà Giang với vận tốc 50 km/h. Thời gian lúc đi ít hơn thời gian lúc về 1 giờ. Tính quãng đường từ Hà Giang đến Hà Nội.

Bài 2: Lúc 6 giờ một ô tô xuất phát từ A đến B với vận tốc 40 km/h. Lái xe giao hàng tại B trong 30 phút rồi quay lại A với vận tốc 30 km/h. Tính quãng đường AB biết rằng ô tô về đến A lúc 10 giờ cùng ngày.

Bài 3: Một tàu chở hàng khởi hành từ thành phố HCM với vận tốc 36 km/h. Sau đó 2 giờ một tàu chở khách cũng xuất phát từ đó với vận tốc 48 km/h đuổi theo tàu hàng. Hỏi tàu chở khách đi bao lâu thì gặp tàu chở hàng.

Bài 4: Lúc 7 giờ sáng một người đi xe đạp khởi hành từ A với vận tốc 10 km/h. Sau đó lúc 8 giờ 40 phút một người khác đi xe máy từ A đuổi theo với vận tốc 30 km/h. Hỏi 2 người gặp nhau lúc mấy giờ.

Bài 5: Một người đi xe máy từ A đến B với vận tốc 30 km/h. Khi đến B người đó nghỉ 10 phút rồi quay trở về A với vận tốc lớn hơn vận tốc lúc đi là 5 km/h. Tính quãng đường AB biết thời gian cả đi lẫn về và nghỉ là 6 giờ 40 phút.

Bài 6: Anh An đi ô tô từ nhà lúc 6 giờ 15 phút với vận tốc 50 km/h để đến địa điểm A giao hàng. Anh giao hàng và nghỉ lại A mất 1 giờ 30 phút rồi quay về nhà. Khi đi về đến nhà anh thấy đã là 14 giờ 30 phút. Biết vận tốc lúc về chậm hơn vận tốc lúc đi là 10 km/h. Tính quãng đường anh An đi giao hàng.

Bài 7: Một người đi xe máy từ thành phố về quê với vận tốc trung bình 30 km/h. Lúc lên thành phố người đó đi với vận tốc là 25 km/h. Nên thời gian lúc lên thành phố nhiều hơn thời gian về quê là 20 phút. Tính quãng đường từ thành phố về quê.

Bài 8: Một xe khách và một xe tải xuất phát cùng một lúc đi từ tỉnh A đến tỉnh B. Mỗi giờ xe khách chạy nhanh hơn xe tải 5 km nên xe khách đến B trước xe tải 30 phút. Tính độ dài quãng đường AB biết rằng vận tốc xe tải là 40 km/h.

DẠNG 2: TOÁN CÔNG VIỆC

Bài 1: Một tổ sản xuất dự định làm một số sản phẩm trong một thời gian nhất định. Tổ dự định mỗi ngày làm 120 sản phẩm. Khi thực hiện, mỗi ngày tổ làm được 150 sản phẩm. Vì vậy tổ đã làm xong trước thời gian dự định là 4 ngày và còn làm thêm được 10 sản phẩm. Tính số sản phẩm mà tổ đã dự định làm.

Bài 2: Một tổ may dự định mỗi ngày may 50 cái áo. Nhưng thực tế mỗi ngày tổ đã may được 60 cái áo. Do đó không những tổ đã hoàn thành trước một ngày mà còn làm thêm được 20 cái áo nữa. Tính số lượng áo mà tổ phải may theo dự định ban đầu.

Bài 3: Một đội thợ mỏ lập kế hoạch khai thác than, mỗi ngày phải khai thác được 30 tấn than. Khi thực hiện, mỗi ngày đội khai thác được 50 tấn than. Do đó đội đã hoàn thành trước kế hoạch 1 ngày và còn vượt mức 10 tấn than. Hỏi theo kế hoạch đội phải khai thác bao nhiêu tấn than?

Bài 4: Một tổ sản xuất theo kế hoạch mỗi ngày phải sản xuất 50 sản phẩm. Khi thực hiện mỗi ngày tổ sản xuất được 65 sản phẩm. Do đó tổ đã hoàn thành kế hoạch trước 3 ngày và còn làm vượt mức 255 sản phẩm. Hỏi theo kế hoạch, tổ phải sản xuất bao nhiêu sản phẩm.

Bài 5: Một đội sản xuất dự định mỗi ngày làm 50 sản phẩm. Nhưng thực tế mỗi ngày làm nhiều hơn 10 sản phẩm. Vì vậy không những hoàn thành trước kế hoạch 2 ngày mà còn sản xuất thêm được 30 sản phẩm. Hỏi theo kế hoạch đội phải sản xuất bao nhiêu sản phẩm.

Bài 6: Một đội thợ mỏ lập kế hoạch khai thác than. Theo đó mỗi ngày phải khai thác được 40 tấn than. Nhưng khi thực hiện mỗi ngày đội khác thác được 44 tấn than. Do đó đội đã hoàn thành kế hoạch trước 2 ngày và còn vượt mức 10 tấn than. Hỏi theo kế hoạch đội phải khai thác bao nhiêu tấn than.

Bài 7: Một tổ sản xuất dự định mỗi ngày may được 30 chiếc áo. Khi thực hiện nhờ cải tiến kỹ thuật tổ sản xuất may được 45 chiếc áo mỗi ngày nên đã hoàn thành sớm hơn kế hoạch 2 ngày và còn may thêm được 90 chiếc áo. Tính số áo tổ phải làm theo kế hoạch.

Bài 8: Một xưởng dệt làm theo đơn hàng thì mỗi ngày phải dệt 30 cây vải. Nhưng do có 1 người thợ nghỉ việc nên số cây vải làm ra giảm đi 5 cây mỗi ngày. Do đó xưởng đã hoàn thành đơn hàng chậm hơn 4 ngày. Hỏi đơn hàng mà xưởng nhận là bao nhiêu cây vải?

DẠNG 3: TOÁN PHẦN TRĂM

Bài 1: Theo kế hoạch hai tổ sản xuất phải làm 900 sản phẩm. Do cải tiến kỹ thuật nên tổ một vượt mức 20% và tổ hai vượt mức 15% so với kế hoạch. Vì vậy hai tổ đã sản xuất được 1055 sản phẩm. Hỏi theo kế hoạch mỗi tổ sản xuất được bao nhiêu sản phẩm?

Bài 2: Theo kế hoạch hai tổ sản xuất được 900 sản phẩm. Do cải tiến kỹ thuật nên tổ một vượt mức 15% và tổ hai vượt mức 10% so với kế hoạch. Vì vậy hai tổ vượt mức 110 sản phẩm. Hỏi theo kế hoạch mỗi tổ sản xuất được bao nhiêu sản phẩm.

Bài 3: Hai đội trồng cây rừng trong tháng trước được 700 cây. Trong tháng này đội A vượt mức 60% và đội B vượt mức 40%. Tính xem mỗi đội trong tháng trước trồng được bao nhiêu cây. Biết rằng tháng này cả hai đội trồng được 1100 cây.

Bài 4: Một trường tổ chức cho 250 người gồm giáo viên và học sinh đi trải nghiệm thực tế. Biết giá vé vào cổng và 160 000 đồng/người. Nhưng vì là học sinh được giảm 10%. Do đó nhà trường chỉ phải chi trả 36 240 000 đồng. Hỏi trong đó có bao nhiêu giáo viên, bao nhiêu học sinh.

Bài 5: Hai lớp 8A và 8B có tất cả 76 học sinh. Biết rằng 25% số học sinh lớp 8A đạt loại Giỏi và 20% số học sinh lớp 8B đạt loại Giỏi và tổng số học sinh giỏi của cả hai lớp là 17 em. Tính số học sinh mỗi lớp.

DẠNG 4: TOÁN CÓ NỘI DUNG HÌNH HỌC

Bài 1: Một khu vườn hình chữ nhật có chu vi là 56 m. Nếu tăng chiều dài thêm 3 m và giảm chiều rộng 1 m thì diện tích khu vườn tăng thêm 5 m². Tính diện tích của khu vườn.

Bài 2: Một mảnh đất hình chữ nhật có chiều dài gấp ba lần chiều rộng. Nếu tăng mỗi cạnh thêm 5 mét thì diện tích khu vườn tăng thêm 385 m². Tính các kích thước của mảnh đất.

Bài 3: Một miếng đất hình chữ nhật có chiều rộng bé hơn chiều dài 25 m. Nếu giảm chiều dài đi 25 m thì diện tích sẽ nhỏ hơn diện tích ban đầu là 1000 m². Tính các kích thước ban đầu của miếng đất.

PHẦN III – HÀM SỐ BẬC NHẤT

Bài 1.

a) Cho hàm số: $y = f(x) = 2x^2 - 3$. Tính $f(-1)$; $f(4)$; $f\left(\frac{1}{2}\right)$

b) Hoàn thành bảng sau:

x	-2	?	2	5	?
$y = f(x) = 3x - 1$?	-5	?	?	-7

Bài 2.

a) Cho các điểm $A(1;3)$; $B(0;1)$; $C(1;2)$; $D(0;-1)$ điểm nào thuộc đồ thị hàm số $y = f(x) = 3x - 1$

b) Cho các điểm $M(-1;3)$; $N(0;-1)$; $P\left(\frac{1}{2};1\right)$; $Q(2;-1)$, điểm nào thuộc đồ thị hàm số $y = f(x) = \frac{1}{2}x - 1$

c) Các điểm $G(-1;-3)$; $H(0;-3)$; $I\left(-\frac{1}{2};1\right)$; $K(-2;-1)$, điểm nào thuộc đồ thị hàm số $y = f(x) = -x + \frac{1}{2}$

Bài 3. Biểu diễn các điểm sau trên mặt phẳng tọa độ Oxy

$A(2;0)$; $B(-3;0)$; $C(0;4)$; $D(0;-2)$; $E(1;3)$; $F(3;1)$; $G(-2;3)$; $H(2;-3)$; $I(-3;-4)$

Bài 4.

- a) Cho hàm số bậc nhất $y = ax + 5$. Tìm hệ số a, biết rằng khi $x = 2$ thì $y = -5$
b) Cho hàm số bậc nhất $y = ax - 4$. Tìm hệ số a, biết rằng khi $x = -3$ thì $y = -2$
c) Cho hàm số bậc nhất $y = (a-1)x + \frac{1}{2}$. Tìm hệ số a, biết rằng khi $x = -1$ thì $y = 2$

Bài 5.

- a) Cho hàm số bậc nhất $y = 2x + b$. Tìm hệ số b, biết rằng khi $x = -1$ thì $y = 7$
b) Cho hàm số bậc nhất $y = 3x - b$. Tìm hệ số b, biết rằng khi $x = -5$ thì $y = 2$
c) Cho hàm số bậc nhất $y = \frac{x}{3} - b$. Tìm hệ số b, biết rằng khi $x = -2$ thì $y = 1$

Bài 6. Vẽ đồ thị của các hàm số sau:

- a) $y = 2x - 4$ b) $y = -x + 4$ c) $y = -2x - 3$
d) $y = 3x$ e) $y = -0,5x$ e) $y = \frac{2}{3}x$

Bài 7. Vẽ đồ thị của các hàm số sau:

- a) $y = -2x + 3$ b) $y = 5 - 2,5x$ c) $y = -x - 6$

d) $y = -x$

e) $y = -\frac{5}{3}x$

e) $y = \frac{9}{4}x$

Bài 8. Cho hàm số $y = (m-1)x + 2$.

- Với những giá trị nào của m thì hàm số đã cho là hàm số bậc nhất?
- Tìm m , biết đồ thị hàm số đã cho đi qua điểm $(1; -2)$
- Với giá trị m tìm được ở câu b, hãy vẽ đồ thị của hàm số đã cho.

Bài 9. Cho hàm số $y = (1-2m)x + 3$.

- Với những giá trị nào của m thì hàm số đã cho là hàm số bậc nhất ?
- Tìm m , biết đồ thị hàm số đã cho đi qua điểm $(-1; 4)$.
- Với giá trị m tìm được ở câu b, hãy hoàn thành bảng giá trị sau vào vở:

x	-2	-1	0	?	?
y	?	?	?	3	-5

Bài 10. Hãy chỉ ra các cặp đường thẳng song song với nhau và các cặp đường thẳng cắt nhau trong các đường thẳng sau.

- $y = 2x - 4$
- $y = -2x + 1$
- $y = -2x + 2$
- $y = -x$
- $y = 3 + 2(x-1)$
- $y = 4x - 5(x+2)$

Bài 11. Hãy chỉ ra các cặp đường thẳng song song và các cặp đường thẳng cắt nhau trong các đường thẳng sau:

- $y = 2x + 1$
- $y = -3x + 1$
- $y = -3x + 2$
- $y = 2x + 2$
- $y = 2 - 2(x-1)$
- $y = 3x - 5(x+3)$

Bài 12. Cho hàm số bậc nhất $y = mx - 5$ và $y = (2m+1)x + 3$. Tìm các giá trị của m để đồ thị của hai hàm số là:

- Hai đường thẳng song song với nhau.
- Hai đường thẳng cắt nhau.

Bài 13. Tìm các giá trị của a để hai đường thẳng $y = (a+1)x - 5$ ($a \neq -1$) và $y = (2-a)x + 2$ ($a \neq 2$)

- Cắt nhau
- Song song với nhau.

Bài 14. Tìm hàm số bậc nhất có đồ thị là đường thẳng song song với đường thẳng $y = -2x + 1$ và đi qua điểm $A(2; 6)$

Bài 15.

- Tìm hàm số bậc nhất có đồ thị là đường thẳng đi qua điểm $B(1; 2)$ và có hệ số góc là -2

b) Tìm hàm số bậc nhất có đồ thị là đường thẳng với hệ số góc là 3 và cắt trục hoành tại điểm có hoành độ bằng -2 .

Bài 16. Trong mặt phẳng tọa độ Oxy, cho hai đường thẳng $y = x$ và $y = -x + 3$.

a) Vẽ hai đường thẳng đã cho trên cùng mặt phẳng tọa độ.

b) Tìm giao điểm A của hai đường thẳng đã cho.

c) Gọi B là giao điểm của đường thẳng $y = -x + 2$ và trục Ox. Chứng minh rằng ΔOAB vuông tại A, tức hai đường thẳng $y = x$ và $y = -x + 3$ vuông góc với nhau.

d) Có nhận xét gì về tích hai hệ số góc của hai đường thẳng đã cho?

Bài 17. Cho hai hàm số $y = 2x - 1$ và $y = -x - 2$.

a) Trong cùng mặt phẳng tọa độ Oxy, vẽ đồ thị của hai hàm số đã cho.

b) Tìm tọa độ giao điểm của hai đồ thị trên.

Bài 18. Cho hàm số bậc nhất $y = (3 - m)x + 2m - 3$. Tìm các giá trị của m để đồ thị của hàm số đã cho là:

a) Đường thẳng đi qua điểm $N(-1; 2)$.

b) Đường thẳng cắt đường thẳng $y = x + 2$ tại một điểm nằm trên trục tung.

Bài 19.

a) Tìm phương trình đường thẳng d có hệ số góc bằng 2 và đi qua điểm $P(1; -2)$.

b) Tìm m để đường thẳng $y = (m + 1)x + 2$ song song với đường thẳng $y = -2x + 1$

Bài 20. Cho hàm số bậc nhất $y = (m + 2)x + 3$.

a) Tìm m để đồ thị hàm số song song với đường thẳng $y = -2x$.

b) Vẽ đồ thị hàm số với giá trị m tìm được ở câu a.

c) Tìm giao điểm A của đồ thị hàm số tìm được ở câu a và đồ thị của hàm số $y = x - 1$.

Tính diện tích của ΔOAB , trong đó B là giao điểm của đồ thị hàm số $y = x - 1$ với trục Ox.

Bài 21. Cho hàm số bậc nhất $y = (3 - m)x + 1$.

a) Tìm m để đồ thị hàm số song song với đường thẳng $y = 3x$.

b) Vẽ đồ thị hàm số với giá trị m tìm được ở câu a.

c) Tìm giao điểm A của đồ thị hàm số tìm được ở câu a và đồ thị của hàm số $y = x + 3$. Tính diện tích của ΔOAB , trong đó B là giao điểm của đồ thị hàm số $y = x + 3$ với trục Ox.

PHẦN IV – XÁC SUẤT CỦA BIẾN CỐ.

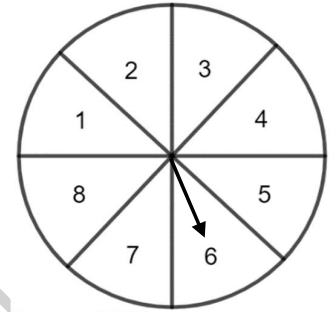
Bài 1. Một hộp chứa 12 tấm thẻ cùng loại được đánh số lần lượt từ 11 đến 22. Chọn ngẫu nhiên 1 thẻ từ hộp. Xét các biến cố sau:

A: “Số ghi trên thẻ là số nguyên tố”.

B: “Số ghi trên thẻ là số chẵn”.

Hãy nêu các kết quả thuận lợi cho mỗi biến cố A và B.

Bài 2. Một tấm bìa hình tròn được chia thành 8 hình quạt bằng nhau, đánh số từ 1 đến 8 như hình bên và được gắn vào trục quay có mũi tên cố định ở tâm. Quay tấm bìa và quan sát xem mũi tên chỉ vào hình quạt nào khi tấm bìa dừng lại. Xét các biến cố sau:



A: “Mũi tên chỉ vào hình quạt ghi số chẵn”.

B: “Mũi tên chỉ vào hình quạt ghi số chia hết cho 4”.

C: “Mũi tên chỉ vào hình quạt ghi số nhỏ hơn 3”.

Hãy nêu các kết quả thuận lợi cho mỗi biến cố trên.

Bài 3. Gieo một con xúc xắc 6 mặt cân đối và đồng chất. Tính xác suất của các biến cố sau:

A: “Gieo được mặt có số chấm là số nguyên tố”.

B: “Gieo được mặt có nhiều hơn 4 chấm”.

Bài 4. Một hộp chứa 3 viên bi xanh, 4 viên bi đỏ và 5 viên bi vàng có kích thước và khối lượng giống nhau. Lấy ra ngẫu nhiên 1 viên bi từ hộp. Tính xác suất của các biến cố:

A: “Viên bi lấy ra có màu xanh”.

B: “Viên bi lấy ra không có màu đỏ”.

Bài 5. Câu lạc bộ tiếng Anh có tổng số thành viên là 35 người. Tỷ lệ thành viên nữ của câu lạc bộ là 60%.

a) Gặp ngẫu nhiên 1 thành viên của câu lạc bộ, tính xác suất để thành viên đó là nữ.

b) Em có nhận xét gì về tỷ lệ thành viên nữ và xác suất trên?

Bài 6. Xác suất nảy mầm của một loại hạt giống là 0,8. Người ta đem gieo 1000 hạt giống đó. Hãy ước lượng xem có khoảng bao nhiêu hạt trong số đó sẽ nảy mầm.



Bài 7. Một nhà máy sản xuất quạt điện tiến hành kiểm tra chất lượng của 600 chiếc quạt điện đã sản xuất và thấy có 5 chiếc bị lỗi. Nếu kiểm tra 1500 chiếc quạt điện khác, hãy dự đoán xem có khoảng bao nhiêu chiếc quạt điện không bị lỗi.

Bài 8. Ở một sân bay người ta nhận thấy với mỗi chuyến bay, xác suất tất cả mọi người mua vé đều có mặt để lên máy bay là 0,9. Trong một ngày sân bay đó có 120 lượt máy bay cất cánh. Hãy ước lượng số chuyến bay trong ngày hôm đó có người mua vé nhưng không lên máy bay.

Bài 9. Ở một trang trại nuôi gà, người ta nhận thấy xác suất một quả trứng gà có cân nặng trên 42g là 0,4. Hãy ước lượng xem trong một lô 2000 quả trứng gà của trang trại có khoảng bao nhiêu quả trứng có cân nặng trên 42g.

Bài 10. Mỗi bạn Tuấn, Bình và Khoa tung một đồng xu cân đối và đồng chất 20 lần và ghi lại kết quả ở bảng sau:

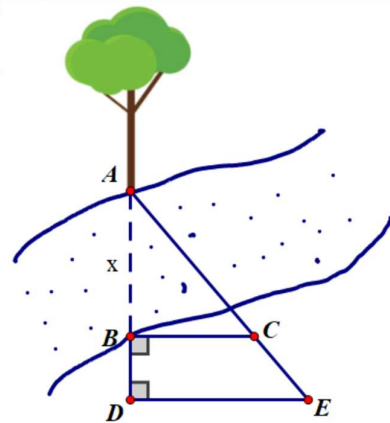
Người tung	Số lần xuất hiện mặt sấp	Số lần xuất hiện mặt ngửa
Tuấn	9	11
Bình	12	8
Khoa	7	13

Gọi A là biến cố “xuất hiện mặt sấp”.

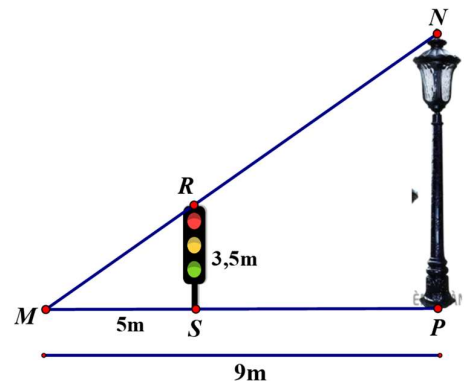
Tính các xác suất thực nghiệm của biến cố A sau 20 lần tung của từng bạn.

PHẦN V – BÀI TOÁN THỰC TẾ VỀ TAM GIÁC VUÔNG ĐỒNG DẠNG

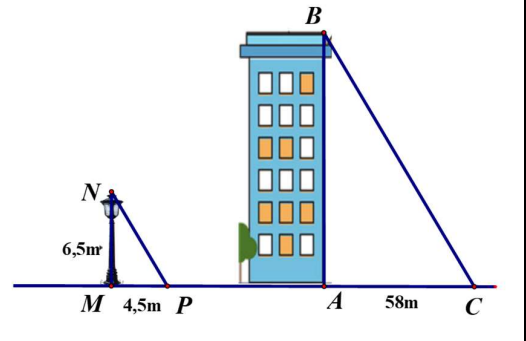
Bài 1. Để đo chiều rộng của một khúc sông mà không cần phải sang bờ bên kia sông, người ta dùng giác kế và thước dây để tiến hành đo các yếu tố cần thiết như hình bên. Biết $BD = 20\text{m}$, $BC = 30\text{m}$ và $DE = 40\text{m}$. Tính chiều rộng x của khúc sông.



Bài 2. Vào buổi chiều có nắng, bóng của một cột đèn trên mặt đất dài 9 m. Cùng lúc đó một cột đèn giao thông cao 3,5m có bóng dài 5m. Tính chiều cao của cột đèn.



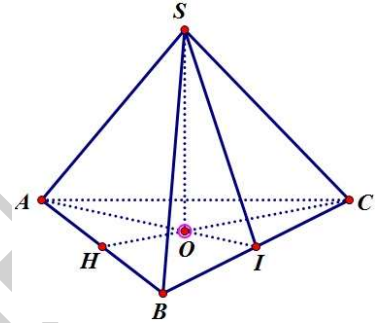
Bài 3. Một cột đèn cao 6,5m có bóng trên mặt đất dài 4,5m. Gần đây có một toà nhà cao tầng có bóng trên mặt đất là 58m (như hình vẽ). Em hãy cho biết toà nhà có bao nhiêu tầng, biết rằng mỗi tầng cao khoảng 3,5m.



PHẦN VI – HÌNH CHÓP TAM GIÁC ĐỀU.

Bài 1. Quan sát hình chóp tam giác đều ở hình bên và cho biết:

- Đỉnh, mặt đáy và các mặt bên.
- Đường cao và trung đoạn của hình chóp đó.



Bài 2. Cho một hình chóp tam giác đều S.ABC có độ dài cạnh đáy BC bằng 11cm và đường cao của tam giác cân SAB là $SM = 7\text{cm}$. Tính diện tích xung quanh của hình chóp tam giác đều S.ABC.

Bài 3. Tính diện tích xung quanh và thể tích của khối chóp tam giác đều có độ dài cạnh đáy là 10cm, chiều cao của mặt bên xuất phát từ đỉnh của hình chóp tam giác đều là 12cm.

Bài 4. Chóp inox đặt trên đỉnh núi Fansipan (Việt Nam) có dạng hình chóp tam giác đều với diện tích đáy khoảng 1560cm^2 và chiều cao khoảng 90cm.

Tính thể tích của chóp inox trên đỉnh núi Fansipan (Việt Nam).



Bài 5. Bộ nam châm xếp hình có dạng hình chóp tam giác đều (như hình ảnh bên) có độ dài cạnh đáy khoảng 6cm và mặt bên có đường cao khoảng 7cm. Tính diện tích xung quanh bộ nam châm xếp hình đó.



----- HẾT -----

Chúc các con ôn thi hiệu quả, đạt kết quả cao!